

# CƯ DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH VỚI ĐỌC BÁO, THỂ DỤC THỂ THAO, DU LỊCH VÀ GIẢI TRÍ VĂN NGHỆ

BÙI THẾ CƯỜNG\*

*Bài viết trình bày một số hoạt động thể hiện nét văn hóa ở cư dân TPHCM, gồm đọc báo, thể dục thể thao, du lịch, và giải trí văn nghệ (xem phim, xem biểu diễn nghệ thuật nơi công cộng). Hầu hết các dạng hoạt động đó ở cư dân Thành phố đều rất khác biệt theo khía cạnh phân tầng xã hội (khác biệt thu nhập và vị thế xã hội dựa trên nghề) hoặc theo khía cạnh nhân khẩu học (tuổi và giới). Cần những giải pháp truyền thông cũng như giải pháp chính sách để thúc đẩy nhiều người tập thể dục thể thao hơn. Cần những điều kiện thuận lợi cho người dân có thêm động cơ và có thêm khả năng đến với phim ảnh, nghệ thuật cũng như du lịch. Và những giải pháp ấy cần được tiếp cận khác biệt hóa theo các nhóm xã hội dựa trên đặc điểm kinh tế, vị thế xã hội, tuổi và giới.*

*Từ khóa:* văn hóa, lối sống, giải trí, phân tầng xã hội, Thành phố Hồ Chí Minh

*Nhận bài ngày:* 26/6/2017; *đưa vào biên tập:* 27/6/2017; *phản biện:* 28/7/2017; *duyet đăng:* 7/8/2017

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nghiên cứu về văn hóa hay lối sống đời thường là góp phần làm rõ tính cách của một cộng đồng dân cư. Dựa trên bộ số liệu của cuộc khảo sát định lượng ở TPHCM năm 2010, bài viết trình bày một số hoạt động thể hiện nét văn hóa ở cư dân TPHCM. Có bốn hoạt động được phân tích, đó là đọc báo, thể dục thể thao, du lịch, và giải trí văn nghệ (xem phim, xem biểu diễn nghệ thuật nơi công cộng). Những hoạt động này được xem xét trong tương quan với bốn đặc điểm: khác biệt kinh tế (thể hiện theo nhóm

ngũ vị phân thu nhập), vị thế xã hội dựa trên nghề (thể hiện theo tầng xã hội), nhóm tuổi, và giới. Bốn đặc điểm phản ánh hai khác biệt xã hội và hai khác biệt nhân khẩu học: hoàn cảnh kinh tế, vị thế xã hội dựa trên nghề, tuổi, và giới.

## 2. NGUỒN SỐ LIỆU VÀ CÁCH PHÂN TÍCH

Bài viết dựa trên số liệu khảo sát thuộc Đề tài *Cơ cấu xã hội, lối sống và phúc lợi của cư dân TPHCM hiện nay*, được tiến hành năm 2010 do Sở Khoa học và Công nghệ TPHCM tài trợ.

Cỡ mẫu khảo sát 1.080 hộ gia đình sinh sống ở 90 điểm dân cư thuộc 30 phường, thị trấn, xã của thành phố.

\* Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ.

Tại mỗi hộ trong danh sách khảo sát, phỏng vấn một người được hộ xem là đại diện (phần lớn là chủ hộ, nhưng không nhất thiết). Phỏng vấn ở địa bàn tiến hành trong tháng 3-4/2010 (Cách chọn mẫu mô tả chi tiết trong: Bùi Thế Cường 2012 và Trần Đan Tâm 2010). Mẫu phân tích trong bài này gồm 667 đại diện hộ gia đình, những người đang có việc làm đem lại thu nhập (chiếm 61,8% tổng mẫu khảo sát).

Bài viết sử dụng bốn biến số phụ thuộc và bốn biến số độc lập. Bốn biến số phụ thuộc phản ánh bốn hoạt động nói trên, được đo lường theo độ thường xuyên. Thang đo gốc thể hiện trong bảng hỏi gồm sáu phương án: hầu như không, gần như mỗi ngày, một vài lần/tuần, một vài lần/tháng, một vài lần/năm, và hàng năm (Bùi Thế Cường 2012). Trong bài viết này sáu phương án đo lường nguyên gốc trên sẽ được gom vào ba phương án khái quát hơn.

Bốn biến số độc lập phản ánh bốn đặc điểm của cư dân. Thứ nhất, nhóm ngũ vị phân thu nhập (mỗi nhóm 20% hộ gia đình), khác biệt theo mức thu nhập bình quân đầu người. Thứ hai, nhóm ba tầng xã hội, hình thành trên cơ sở các nhóm nghề. Bài viết phân loại hộ gia đình thành 8 nhóm nghề: 1) Quản lý Nhà nước bậc trên (người làm trong các cơ quan Đảng, quản lý Nhà nước và tổ chức chính trị-xã hội, tương đương trường phòng trở lên); 2) Chuyên môn bậc trên (người làm trong cơ quan hành chính-sự nghiệp,

tổ chức tư nhân, tương đương trường phòng trở lên); 3) Chủ sở hữu tư nhân bậc trên (người mà kinh tế hộ tư nhân nông nghiệp hoặc phi nông nghiệp có mức thu nhập bình quân đầu người thuộc nhóm 20% trên trong tổng số hộ kinh doanh tư nhân của mẫu khảo sát); 4) Quản lý Nhà nước bậc dưới (người làm trong các cơ quan Đảng, quản lý Nhà nước và tổ chức chính trị-xã hội, dưới mức tương đương trường phòng); 5) Chuyên môn bậc dưới (người làm trong cơ quan hành chính-sự nghiệp, tổ chức tư nhân, làm nghề tự do trong khu vực dịch vụ); 6) Chủ sở hữu tư nhân bậc dưới (người mà kinh tế hộ tư nhân nông nghiệp hoặc phi nông nghiệp có mức thu nhập bình quân đầu người thuộc nhóm 80% bên dưới trong tổng số hộ kinh doanh tư nhân của mẫu khảo sát); 7) Lao động chân tay có kỹ năng (công nhân có tay nghề làm việc trong các tổ chức hoặc tại nhà); 8) Lao động giản đơn (người lao động không có tay nghề làm việc trong các tổ chức hoặc tại nhà). Ba nhóm nghề đầu được xếp vào tầng xã hội trên, ba nhóm nghề sau xếp vào tầng giữa, hai nhóm nghề cuối xếp vào tầng dưới (Bùi Thế Cường 2017a). Thứ ba, nhóm tuổi, chia thành năm nhóm: dưới 30 tuổi, 30-39, 40-49, 50-59 và 60 tuổi trở lên. Thứ tư, người trả lời chia theo giới tính.

### 3. ĐỌC BÁO

Ta còn nhớ, sau 1975 người miền Bắc vào Sài Gòn ngạc nhiên thấy nhiều người dân ở đây hay đọc báo, kể cả người bình dân. Với sự tăng trưởng

mạnh của thiết bị điện tử cầm tay, giờ đây đa số lấy tin tức từ màn hình iphone. Hiện tượng đó chưa trở nên phổ biến vào thời điểm khảo sát năm 2010. Do đó, trong khảo sát ấy chúng tôi chỉ hỏi về tình hình đọc báo giấy.

Bảng 1 chỉ ra có 38% người trả lời nói họ hầu như không bao giờ đọc báo,

41% đọc báo hàng ngày, 21% đọc báo tuần vài lần hoặc tháng vài lần. Tỷ lệ đọc báo khác biệt rõ rệt theo hoàn cảnh kinh tế và tầng xã hội dựa trên nghề. Tỷ lệ hầu như không đọc báo cao nhất ở nhóm nghèo (64,3%), giảm mạnh còn 50% ở nhóm dưới trung bình, 33,3% ở nhóm trung bình, 23,5%

Bảng 1. Tỷ lệ đọc báo theo bốn đặc điểm xã hội, TPHCM 2010, %

TT	Nhóm xã hội	Hầu như không	Tuần vài lần, tháng vài lần	Gần như mỗi ngày	Tổng
A	Nhóm ngũ vị phân thu nhập				
1	Khá giả	20,3	11,3	68,4	100,0
2	Trên trung bình	23,5	22,0	54,5	100,0
3	Trung bình	33,3	26,5	40,2	100,0
4	Dưới trung bình	50,0	25,7	24,3	100,0
5	Nghèo	64,3	19,0	16,7	100,0
	Chung	38,1	20,9	41,0	100,0
	N	251	138	270	659
B	Tầng xã hội				
1	Trên	16,3	8,5	75,2	100,0
2	Giữa	38,2	23,7	38,2	100,0
3	Dưới	61,2	24,0	14,9	100,0
	Chung	38,1	20,8	41,1	100,0
	N	253	138	273	664
C	Nhóm tuổi				
1	60+	45,0	15,0	40,0	100,0
2	50-59	32,2	19,1	48,6	100,0
3	40-49	41,7	20,4	37,8	100,0
4	30-39	37,7	23,2	39,1	100,0
5	Dưới 30	35,8	28,3	35,8	100,0
	Chung	38,1	20,8	41,1	100,0
	N	253	138	273	664
D	Giới				
1	Nam	32,7	21,7	45,7	100,0
2	Nữ	42,6	20,1	37,4	100,0
	Chung	38,1	20,8	41,1	100,0
	N	253	138	273	664

Nguồn số liệu gốc: Bùi Thế Cường 2010.

ở nhóm trên trung bình và 20,3% ở nhóm khá giả. Chỉ 16,7% người ở nhóm nghèo đọc báo hàng ngày. Con số này là 24,3% ở nhóm dưới trung bình, 40,2% ở nhóm trung bình, 54,5% ở nhóm trên trung bình, và 68,4% ở nhóm khá giả. Tương tự, 61,2% người ở tầng dưới hầu như không đọc báo. Tỷ lệ này giảm còn 38,2% ở tầng giữa, và giảm mạnh còn

16,3% ở tầng trên. Ngược lại, chỉ 14,9% người thuộc tầng dưới đọc báo hàng ngày, trong khi 75,2% người thuộc tầng trên đọc báo mỗi ngày.

Khác biệt đọc báo theo nhóm tuổi cũng thể hiện một khuôn mẫu, tuy không rõ rệt và có những biến động nhất định. Nhìn chung, càng lớn tuổi tỷ lệ hầu như không đọc báo càng cao, nhưng tỷ lệ đọc báo hàng ngày lại vẫn

Bảng 2. Tỷ lệ tập thể dục thể thao theo bốn đặc điểm xã hội, TPHCM 2010, %

TT	Nhóm xã hội	Hầu như không	Tháng vài lần	Hàng ngày, tuần vài lần	Tổng
A	Nhóm ngũ vị phân thu nhập				
1	Khá giả	54,9	5,3	39,8	100,0
2	Trên trung bình	67,9	4,6	27,5	100,0
3	Trung bình	75,8	2,3	22,0	100,0
4	Dưới trung bình	83,8	2,2	14,0	100,0
5	Nghèo	86,5	4,8	8,7	100,0
	Chung	73,7	3,8	22,5	100,0
	N	485	25	148	658
B	Tầng xã hội				
1	Trên	52,7	7,8	39,5	100,0
2	Giữa	75,1	3,4	21,5	100,0
3	Dưới	90,9	1,7	7,4	100,0
	Chung	73,6	3,9	22,5	100,0
	N	488	26	149	663
C	Nhóm tuổi				
1	60+	73,3	3,3	23,3	100,0
2	50-59	66,7	3,8	29,5	100,0
3	40-49	75,7	2,6	21,7	100,0
4	30-39	78,1	5,1	16,8	100,0
5	Dưới 30	77,4	7,5	15,1	100,0
	Chung	73,6	3,9	22,5	100,0
	N	488	26	149	663
D	Giới				
1	Nam	66,9	5,4	27,8	100,0
2	Nữ	79,1	2,7	18,1	100,0
	Chung	73,6	3,9	22,5	100,0
	N	488	26	149	663

Nguồn số liệu gốc: Bùi Thế Cường 2010.

tăng theo nhóm tuổi. Nói cách khác, nhóm tuổi trẻ hơn có xu hướng đọc báo nhiều hơn, nhưng không thường xuyên đến mức mọi ngày như nhóm lớn tuổi hơn. Khác biệt giới rõ rệt hơn khác biệt tuổi. Tỷ lệ nữ hầu như không đọc báo là 42,6%. Con số này ở nam chỉ là 32,7%. Tỷ lệ đọc báo hàng ngày ở nữ là 37,4%, ở nam là 45,7%.

#### 4. TẬP THỂ DỤC THỂ THAO

Thể dục thể thao được xem là một hoạt động đáng mong đợi trong lối sống, góp phần nâng cao sức khỏe cá nhân và xã hội, tăng phúc lợi và chất lượng sống. Bảng 2 cho thấy gần  $\frac{3}{4}$  người được hỏi nói họ hầu như không tập thể dục thể thao. Tỷ lệ đó tăng rõ nét từ nhóm khá giả hơn đến nhóm

Bảng 3. Tỷ lệ du lịch theo bốn đặc điểm xã hội, TPHCM 2010, %

TT	Nhóm xã hội	Hầu như không	Hàng năm	Vài lần trong năm hoặc nhiều hơn	Tổng
A	Nhóm ngũ vị phân thu nhập				
1	Khá giả	50,4	9,0	40,6	100,0
2	Trên trung bình	60,0	14,6	25,4	100,0
3	Trung bình	75,0	9,1	15,9	100,0
4	Dưới trung bình	79,4	7,4	13,2	100,0
5	Nghèo	86,5	5,6	7,9	100,0
	Chung	70,2	9,1	20,7	100,0
	N	461	60	136	657
B	Tầng xã hội				
1	Trên	48,1	10,1	41,9	100,0
2	Giữa	72,1	10,9	17,0	100,0
3	Dưới	86,8	1,7	11,6	100,0
	Chung	70,1	9,1	20,8	100,0
	N	464	60	138	662
C	Nhóm tuổi				
1	60+	66,7	6,7	26,7	100,0
2	50-59	69,9	13,1	16,9	100,0
3	40-49	78,7	6,5	14,8	100,0
4	30-39	58,4	10,9	30,7	100,0
5	Dưới 30	67,3	3,8	28,8	100,0
	Chung	70,1	9,1	20,8	100,0
	N	464	60	138	662
D	Giới				
1	Nam	70,5	8,1	21,5	100,0
2	Nữ	69,8	9,9	20,3	100,0
	Chung	70,1	9,1	20,8	100,0
	N	464	60	138	662

Nguồn số liệu gốc: Bùi Thế Cường 2010.

nghèo hơn. Con số đó là gần 55% ở nhóm khá giả, tăng mạnh lên gần 87% ở nhóm nghèo. Gần 9% ở nhóm nghèo có tập thể dục thể thao hàng ngày hoặc vài lần trong tuần. Con số này lên tới gần 28% ở nhóm trên trung bình và gần 40% ở nhóm khá giả. Khuôn mẫu khác biệt cũng tương tự theo tầng xã hội dựa trên nghề. Có khác biệt nhất định theo nhóm tuổi nhưng không thực sự rõ rệt. Khác biệt giới rõ hơn, theo hướng nhiều nam tập thể dục thể thao hàng ngày hoặc vài lần trong tuần hơn nữ (gần 28% nam so với 18% nữ).

### 5. DU LỊCH

Là một hoạt động đòi hỏi nhiều thời gian và tài chính hơn, du lịch phản ánh trình độ phát triển kinh tế (mức thu nhập và sự phân tách rõ rệt thời gian làm việc với thời gian tự do). Bảng 3 cho thấy 70% người trả lời nói họ hầu như không đi du lịch. So với một số dạng hoạt động xem xét ở trên, khác biệt theo hoàn cảnh kinh tế rất rõ. Ở nhóm nghèo, 86,5% hầu như không đi du lịch. Tỷ lệ này giảm mạnh còn khoảng 50% ở nhóm khá giả. Khác biệt ở mức độ như vậy cũng thể hiện theo tầng xã hội. Hơn 40% người ở nhóm khá giả hay ở tầng trên du lịch vài lần trong năm hoặc thường xuyên hơn.

Phân bố theo tuổi không rõ rệt. Khoảng 30% người ở nhóm tuổi dưới 40 du lịch vài lần trong năm hoặc hơn. Nhưng tỷ lệ đó sụt giảm đáng kể ở nhóm tuổi 40-59, rồi tăng trở lại ở nhóm 60 tuổi trở lên. Dạng phân bố

như vậy phản ánh phần nào sự thay đổi gánh nặng công việc và gia đình theo nhóm tuổi. Như có thể dự đoán, không có khác biệt giới trong du lịch.

### 6. GIẢI TRÍ VĂN NGHỆ: XEM PHIM, BIỂU DIỄN NGHỆ THUẬT

Trong bối cảnh ở Việt Nam phổ biến ra khỏi nhà là để đi café hay nhậu thì đi xem phim hay biểu diễn nghệ thuật là một chỉ báo ít nhiều phản ánh lối sống lành mạnh hơn, đáng được mong đợi hơn. Về hoạt động này, Bảng 4 cho thấy hơn 86% người được phỏng vấn nói họ hầu như không bao giờ đi xem phim hay xem biểu diễn nghệ thuật. Khác biệt biểu hiện rõ rệt theo hoàn cảnh kinh tế. Tỷ lệ đó giảm dần từ nhóm nghèo hơn đến nhóm khá giả hơn. Gần 95% ở nhóm nghèo hầu như không bao giờ đi xem, trong khi hơn 72% ở nhóm khá giả là như vậy. Chỉ 2,4% ở nhóm nghèo đi xem tháng vài lần hoặc tuần vài lần, trong khi hơn 10% ở nhóm khá giả là như thế, và hơn 17% ở nhóm khá giả đi xem vài lần trong năm. Có một ranh giới tách biệt khá rõ giữa 2 nhóm trên trung bình với 3 nhóm còn lại.

Khuôn mẫu đó cũng tương tự theo các tầng xã hội. Chưa đầy 1% người thuộc tầng dưới đi xem phim, biểu diễn nghệ thuật vài lần trong tháng hay thường xuyên hơn. Tỷ lệ này là hơn 10% ở tầng trên. Gần 20% người ở tầng trên đi xem vài lần trong năm.

Như được chờ đợi, khuôn mẫu khác biệt theo tuổi là rõ rệt. Từ độ tuổi 40 trở lên, tỷ lệ người hầu như không đi

Bảng 4. Tỷ lệ đi xem phim, biểu diễn nghệ thuật theo bốn đặc điểm xã hội, TPHCM 2010, %

TT	Nhóm xã hội	Hầu như không	Năm vài lần	Tháng vài lần hoặc hơn	Tổng
A	Nhóm ngũ vị phân thu nhập				
1	Khá giả	72,2	17,3	10,5	100,0
2	Trên trung bình	83,3	9,8	6,8	100,0
3	Trung bình	87,9	10,6	1,5	100,0
4	Dưới trung bình	93,4	3,7	2,9	100,0
5	Nghèo	94,4	3,2	2,4	100,0
	Chung	86,2	9,0	4,9	100,0
	N	568	59	32	659
B	Tầng xã hội				
1	Trên	69,8	19,4	10,9	100,0
2	Giữa	88,2	7,7	4,1	100,0
3	Dưới	97,5	1,7	0,8	100,0
	Chung	86,3	8,9	4,8	100,0
	N	573	59	32	664
C	Nhóm tuổi				
1	60+	93,3	5,0	1,7	100,0
2	50-59	89,6	7,7	2,7	100,0
3	40-49	88,3	8,3	3,5	100,0
4	30-39	81,9	10,1	8,0	100,0
5	Dưới 30	69,8	17,0	13,2	100,0
	Chung	86,3	8,9	4,8	100,0
	N	573	59	32	664
D	Giới				
1	Nam	86,3	7,3	6,3	100,0
2	Nữ	86,3	10,2	3,6	100,0
	Chung	86,3	8,9	4,8	100,0
	N	573	59	32	664

Nguồn số liệu gốc: Bùi Thế Cường 2010.

ra ngoài xem phim hay biểu diễn nghệ thuật xấp xỉ trên dưới 90%. Ở nhóm tuổi 30-39 đạt tới con số hơn 80%. Nhưng ở nhóm dưới 30 tuổi thì hơn 30% có đi xem ở những mức độ nhất định, từ năm vài lần đến tháng vài lần hoặc thường xuyên hơn. Không có khác biệt theo giới, mặc dù tỷ lệ nữ đi

xem tháng vài lần tỏ ra ít hơn nam một chút.

## 7. THẢO LUẬN

Phân tích ở trên cung cấp một bức tranh về một số dạng hoạt động văn hóa ở cư dân TPHCM, góp phần hình dung tính cách của người dân nơi đây. Hơn 60% người được phỏng vấn nói

họ có đọc báo, mà hơn 40% đọc báo gần như hàng ngày. Có 22,5% nói họ có tập thể dục thể thao, ở mức hàng ngày hoặc tuần vài lần. Hơn 20% thường du lịch ở mức năm vài lần hoặc hơn, và 9% du lịch ở mức hàng năm. Chỉ 14% nói họ có đi xem phim hay biểu diễn nghệ thuật ở mức tháng vài lần hay năm vài lần.

Ngoại trừ một số ngoại lệ theo nhóm tuổi và giới ở một vài dạng hoạt động, còn lại hầu hết các dạng hoạt động văn hóa ở cư dân Thành phố đều rất khác biệt theo khía cạnh phân tầng xã

hội (khác biệt thu nhập và vị thế xã hội dựa trên nghề) hoặc theo khía cạnh nhân khẩu học (tuổi và giới).

Cần có những giải pháp truyền thông cũng như giải pháp chính sách để thúc đẩy nhiều người tập thể dục thể thao hơn. Cần những điều kiện thuận lợi cho người dân có động cơ hơn và có khả năng hơn đến với phim ảnh, nghệ thuật ở rạp cũng như du lịch. Và những giải pháp ấy cần tiếp cận định hướng mạnh hơn (target) theo các nhóm xã hội dựa trên khác biệt kinh tế, vị thế xã hội, tuổi và giới. □

#### TÀI LIỆU TRÍCH DẪN VÀ TÀI LIỆU LIÊN QUAN

1. Bùi Thế Cường. 2010. Bộ số liệu của đề tài nghiên cứu *Cơ cấu xã hội, lối sống và phúc lợi của cư dân TPHCM hiện nay*. Sở Khoa học và Công nghệ TPHCM và Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.
2. Bùi Thế Cường. 2012. *Cơ cấu xã hội, lối sống và phúc lợi của cư dân TPHCM hiện nay*. Báo cáo tổng hợp đề tài. Sở Khoa học và Công nghệ TPHCM và Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.
3. Bùi Thế Cường. 2017a. “Dân cư TPHCM mong muốn mức học vấn cho con”. Tạp chí *Nghiên cứu Phát triển*, Viện Nghiên cứu Phát triển TPHCM, số 19 (1/2017).
4. Bùi Thế Cường. 2017b. *Giao tiếp ở cư dân TPHCM*. Bản thảo chưa xuất bản.
5. Bùi Thế Cường và Phạm Thị Dung. 2015. “Tầng lớp trung lưu ở TPHCM: Sự hài lòng về đời sống gia đình”. Tạp chí *Nghiên cứu Phát triển*, Viện Nghiên cứu Phát triển TPHCM, số 14 (4/2015).
6. Bùi Thế Cường và Phạm Thị Dung. 2016. “Ba nguồn lực ở tầng lớp trung lưu TPHCM”. Tạp chí *Nghiên cứu Phát triển*, Viện Nghiên cứu Phát triển TPHCM, số 15 (1/2016).
7. Bùi Thế Cường, Tô Đức Tú và Phạm Thị Dung. 2015. “Tầng lớp trung lưu ở TPHCM: Cơ cấu và đặc điểm nhân khẩu”. Tạp chí *Nghiên cứu Phát triển*, Viện Nghiên cứu Phát triển TPHCM, số 12(2/2015).
8. Trần Đan Tâm. 2010. “Chọn mẫu cho 3 cuộc khảo sát ‘Cơ cấu xã hội, văn hóa và phúc lợi xã hội’ tại vùng Nam Bộ”. *Tạp chí Khoa học Xã hội (TPHCM)*, số 7(143).